TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2017
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan** - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: **1.** Ông **Cao Trọng Mãnh**

2. Bà **Lê Thị Mỹ**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 411/2016/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2016 về việc "**Xin ly hôn"**

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **N** - sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 94 đường L, P. B, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **G** - sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 228/2 đường D, P. H, Thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà N trình bày:** Tôi và ông G tự quen biết nhau, sau đó tiến đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới vào ngày 6/6/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa vào ngày 13/5/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông G không có trách nhiệm thường xuyên nhậu nhẹt bê tha, về nhà thì ghen tuông vô cớ kiếm chuyện chửi bới, đánh đập tôi, ngoài ra gần đây tôi còn phát hiện ông G sử dụng ma túy đá, tôi đã

bắt gặp và khuyên can Nhưng ông G không nghe mà còn hành hung tôi. Nên vào tháng 9/2016 tôi đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Về con chung: Chúng tôi không có.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có.

Về nợ chung: Chúng tôi không có.

* Tại phiên tòa bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông G.
- Về con chung: Chúng tôi không có.
- Về tài sản chung: Chúng tôi không có.
- Về nợ chung: Chúng tôi không có.

*** Bị đơn ông G:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn ông G vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn là ông G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông G.

*** Về nội dung vụ kiện:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông G tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 6/6//2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường An Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2015, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông G không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa bà N trình bày là do ông G không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt bê tha, về nhà thì ghen tuông vô cớ kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà N, ngoài ra gần đây bà N còn phát hiện ông G sử dụng ma túy đá, bà N đã bắt gặp và khuyên can Nhưng ông G không nghe mà còn hành hung bà N. Nên vào tháng 9/2016 bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N được ly hôn với ông G.

[2] Về quan hệ con chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bị đơn ông G: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông G không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông G có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông G có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông G.

Tuyên bố bà N được ly hôn với ông G.

2. Về quan hệ con chung: Bà N xác định không có, nên Tòa án không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà N xác định không có, nên Tòa án không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà N xác định không có, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Bà N phải chịu 200.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003083 ngày 16/11/2016 nên Bà N không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP.Rạch Giá

- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Phạm Thị Thanh Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG
---ଓ✪ଓ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---ଓ✪ଓ---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ…….phút ngày 18 tháng 8 năm 2017

Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cao Trọng Mãnh** và bà **Lê Thị Mỹ**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 411/2016/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp "Xin ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà **N** - sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 94 Phan Đăng Lưu, P. An Bình, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc Giang -** sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 228/2 Trần Khánh Dư, P. An Hòa, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁNN SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Nguyễn Ngọc Giang.

Tuyên bố chị N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Giang.

2. Về quan hệ con chung: ChịN xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: ChịN xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: ChịN xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị N phải chịu 200.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003083 ngày 16/11/2016 nên chịN không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi…….giờ….phút ngày 18 tháng 8 năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**